TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN TRE** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2021/HSST

Ngày: 12/5/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Ngô Văn Trình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hưng;

2. Bà Dương Thị Thanh Thúy.

-Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phương Yến là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre *tham gia phiên toà*: Ông Phan Thanh Vàng - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 29/2021/TLST-HS ngày 06 tháng 4 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2020/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 4 năm 2021, đối với các bị cáo:

- **Lê Minh T**, sinh năm 1991 tại tỉnh Bến Tre; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Khu phố C, Phường H, thành phố BT, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 07/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Con ông Lê Văn T1, sinh năm 1957 và bà Lê Thị Thu C, sinh năm 1962; Vợ: Nguyễn Thị T2, sinh năm 1995 (Đã ly hôn); Con: Có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2015; Tiền sự: Không; Tiền án: Không; Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 26/02/2021 cho đến nay. (Có mặt)

- **Trần Thanh N**, sinh năm 1996 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Phường J, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở hiện nay: Ấp TT4, xã TT, huyện MCB, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hóa: 03/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Con ông Trần Quang S (đã chết) và bà Đoàn Thị Tuyết M, sinh năm 1968; Vợ: Bạch Ngọc Kim Q, sinh năm 2002; Con: Có 01 người con sinh năm 2020; Tiền sự: Quyết định số 565/QĐ-TA ngày 07/11/2017 ngày 07/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 18 tháng về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy";

Tiền án: Không; Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 08/02/2021 cho đến nay. (Có mặt)

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

Đoàn Thị Tuyết M, sinh năm 1968; (Có mặt)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Phường J, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh

Chỗ ở hiện nay: Nhà trọ LK, khu phố BL, Phường F, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

* *Người làm chứng*:

Đặng Thị Thảo L, sinh năm 1995; (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Khu phố A, Phường E, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

* *Người chứng kiến*:

- Nguyễn Thị H, sinh năm 1958; (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Khu phố E, phường PK, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

- Nguyễn Thành T3, sinh năm 1984; (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Khu phố C, Phường E, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 13 giờ 50 phút ngày 17/12/2020, lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố Bến Tre phối hợp với Công an phường 5, thành phố Bến Tre tuần tra ở khu vực công viên Hoàng Lam. Khi đến đoạn thuộc khu phố 3, phường 5, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre thì phát hiện bị cáo Lê Minh T có hành vi bán trái phép chất ma túy cho bị cáo Trần Thanh N nên tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với các bị cáo T và N và thu giữ tang vật.

Vật chứng thu giữ:

- Thu của bị cáo N:

+Thu trong lòng bàn tay trái của bị cáo N: 01 túi nylon màu trắng hàn kín (bên ngoài có quấn băng keo màu đen), bên trong có chứa tinh thể màu trắng nghi là ma túy (Sau khi thu giữ được niêm phong trong phong bì có các chữ ký và ghi tên Lê Minh T, Nguyễn Thành Thái, Nguyễn Thị Hạnh, Trần Thanh N, Nguyễn Hải Đăng Khoa, Võ Văn Thơm và hình dấu tròn màu đỏ của Công an phường 5, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre).

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, số loại NOUVO, màu nâu vàng, biển số 71B1-852.36, số khung: RLCN5P1108Y012228, số máy: 5P11-012228.

+ 01 điện thoại di động hiệu Redmi màu xanh, sim số 0565780233.

- Thu của bị cáo T:

+ Thu trong túi quần Jean phía trước bên trái của bị cáo T đang mặc: Tiền Việt Nam: 700.000 đồng.

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu VICTORY, số loại C50, màu xanh, biển số 71FH-7165, số khung: WCB0A5UM-000261, số máy: P39FMB-03009.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu đỏ, sim số 0789631324.

+ 01 đoạn băng keo màu đen.

Tiến hành khám xét khẩn cấp phòng số 4, nhà trọ Vĩnh Kim ở ấp Bình Thành, xã Bình Phú, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre nơi bị cáo T thuê để ở, lực lượng Công an thu giữ: Thu ở phía trước cửa phòng trọ số 4 một cục được quấn băng keo màu đen, bên trong có 01 túi nylon hàn kín ba phía, phía còn lại có rãnh khép màu trắng, bên trong rỗng.

Qua làm việc, các bị cáo T và N khai nhận: Cách ngày bị bắt khoảng 10 ngày, bị cáo T đến khu vực gần cầu Sơn Đông ở xã Sơn Đông, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre mua của một người thanh niên tên T4 (không rõ họ và địa chỉ cụ thể) một gói ma túy đá giá 2.500.000 đồng rồi đem về sử dụng và bán lại kiếm lời. Vào khoảng 13 giờ 30 phút ngày 17/12/2020, bị cáo N dùng điện thoại di động hiệu Redmi màu xanh, gắn sim số 0565780233 nhắn tin qua mạng xã hội Facebook cho Đặng Thị Thảo L. Trong khi bị cáo N nhắn tin với L thì L đang ở phòng trọ số 4, nhà trọ Vĩnh Kim ở ấp Bình Thành, xã Bình Phú, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre cùng với bị cáo T nhưng do bận công việc nên được một lúc L ra ngoài, để lại điện thoại trong phòng trọ số 4. Sau khi L ra ngoài, bị cáo N có nhắn tin hỏi L biết chỗ nào bán ma túy không để bị cáo N mua sử dụng. Thấy điện thoại của L có tin nhắn đến của bị cáo N, bị cáo T liền đọc tin nhắn và nhắn tin kêu bị cáo N cho số điện thoại của bị cáo N cho bị cáo T để bị cáo T bán ma túy cho bị cáo N. Bị cáo N hỏi mua 500.000 đồng ma túy đá thì bị cáo T đồng ý và hẹn ra khu vực công viên Hoàng Lam đoạn thuộc phường 5, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre để giao dịch mua bán ma túy. Thỏa thuận xong, bị cáo T lấy 01 túi ma túy đá ra và 01 đoạn băng keo màu đen để quấn túi ma túy lại rồi điều khiển xe mô tô biển số 71FH-7165 ra khu vực công viên Hoàng Lam đoạn gần bờ sông, bị cáo T lấy túi ma túy có quấn băng keo màu đen dán vào cây sứ rồi bước ra ngoài khoảng 02m điện thoại cho bị cáo N. Bị cáo N điều khiển xe mô tô biển số 71B1-852.36 chạy đến gặp và đưa cho bị cáo T 500.000 đồng rồi hỏi "đồ đâu?" thì bị cáo T nói trên cây sứ và nhìn về hướng cây sứ thì bị cáo N hiểu ý nên bước đến lấy túi ma túy trên cây sứ. Khi bị cáo N cầm túi ma túy trong lòng bàn tay trái bước ra ngoài ngồi lên xe mô tô biển số 71B1-852.36 chuẩn bị chạy đi, còn bị cáo T vừa cất 500.000 đồng vào túi quần phía trước bên trái thì bị lực lượng Công an đến bắt quả tang và thu giữ tang vật như trên.

Theo kết luận giám định số 149/2020/GĐMT ngày 20 tháng 12 năm 2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre kết luận: Tinh thể màu trắng đựng trong 01 túi nylon được niêm phong trong phong bì gửi giám định là ma túy, loại: Methamphetamine, khối lượng: 0,5207gam.

Tại Bản cáo trạng số 31/CT-VKSTPBT ngày 05 tháng 4 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã truy tố bị cáo T về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự và bị cáo N về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị:

- Về tội danh và hình phạt:

Đối với bị cáo Tài: Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo T từ 02 năm 03 tháng đến 02 năm 09 tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Đối với bị cáo Nhã: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo N từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 09 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng do các bị cáo không có thu nhập ổn định.

- Về biện pháp tư pháp: Áp dụng các Điều 47, 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự:

+ Tịch thu, tiêu hủy: 01 phong bì được niêm phong số 149/2020 có chữ ký và ghi tên Nguyễn Ngọc Minh, Trần Duy Chuyển và hình dấu tròn màu đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre chứa chất ma túy còn lại sau giám định, do đây là vật Nhà nước cấm lưu hành; sim số 0565780233 do bị cáo N dùng liên hệ mua ma túy; sim số 0789631324 do bị cáo T dùng liên hệ bán ma túy; 02 đoạn băng keo màu đen, do bị cáo T dùng quấn ma túy bán cho bị cáo N; 01 túi nylon hàn kín ba phía, phía còn lại có rãnh khép màu trắng, bên rong rỗng.

+ Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Redmi màu xanh, do bị cáo N dùng liên hệ mua ma túy; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đỏ, do bị cáo T dùng liên hệ bán ma túy; số tiền 500.000 đồng trong tổng số tiền 700.000 đồng đã thu của bị cáo T do bán ma túy cho bị cáo N có được vào ngày 17/12/2020, tiếp tục tạm giữ số tiền 200.000 đồng còn lại để đảm bảo thi hành án.

+ Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bến Tre đã giao trả cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đoàn Thị Tuyết M 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, số loại NOUVO, màu nâu vàng, biển số 71B1-852.36, số khung: RLCN5P1108Y012228, số máy: 5P11-012228.

+ Giao 01 xe mô tô nhãn hiệu VICTORY, số loại C50, màu xanh, biển số 71FH-7165, số khung: WCB0A5UM-000261, số máy: P39FMB-03009 không rõ nguồn gốc cho Cơ quan điều tra – Công an thành phố Bến tre tiếp tục xác minh làm rõ và xử lý theo thẩm quyền.

- Đối với Đoàn Thị Tuyết M khi cho bị cáo N mượn xe mô tô biển số 71B1-852.36 không biết bị cáo dùng làm phương tiện đi mua ma túy nên không truy cứu trách nhiệm.

- Đối với các lần bị cáo T khai có bán ma túy cho đối tượng tên P và H do không rõ họ tên và địa chỉ cụ thể, Cơ quan Cảnh sát điều tra không làm việc được với P và H nên không có căn cứ để truy cứu thêm trách nhiệm hình sự cho bị cáo T đối với các lần bán ma túy này.

Các bị cáo T và N khai nhận: Cách ngày 17/12/2020 khoảng 10 ngày, bị cáo T đến khu vực gần cầu Sơn Đông ở xã Sơn Đông, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre mua của một người thanh niên tên T4 (không rõ họ và địa chỉ cụ thể) một gói ma túy đá giá 2.500.000 đồng rồi đem về sử dụng và bán lại kiếm lời. Bị cáo N dùng điện thoại di động hiệu Redmi liên hệ với bị cáo T để mua 500.000 đồng ma túy thông qua điện thoại của L (L không biết việc này), bị cáo T đồng ý và hẹn ra khu vực công viên Hoàng Lam đoạn thuộc phường 5, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre để giao dịch mua bán ma túy. Thỏa thuận xong, bị cáo T lấy 01 túi ma túy đá và 01 đoạn băng keo màu đen để quấn túi ma túy lại rồi điều khiển xe mô tô biển số 71FH-7165 ra khu vực công viên Hoàng Lam đoạn gần bờ sông, bị cáo T lấy túi ma túy có quấn băng keo màu đen dán vào cây sứ rồi bước ra ngoài khoảng 02m điện thoại cho bị cáo N. Bị cáo N điều khiển xe mô tô biển số 71B1-852.36 chạy đến gặp, đưa cho bị cáo T 500.000 đồng rồi đến lấy túi ma túy trên cây sứ. Khi bị cáo N cầm túi ma túy trong lòng bàn tay trái bước ra ngoài ngồi lên xe mô tô biển số 71B1-852.36 chuẩn bị chạy đi, còn bị cáo T vừa cất 500.000 đồng vào túi quần phía trước bên trái thì bị lực lượng Công an đến bắt quả tang và thu giữ tang vật như trên. Các bị cáo đồng ý với kết luận giám định, không khiếu nại gì đối với các hành vi và quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng và xin được giảm nhẹ hình phạt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Thị Tuyết M trình bày: Xe mô tô biển số 71B1-852.36 là bà mua chưa sang tên. Ngày 17/12/2020, bị cáo N mang xe đi mua ma túy, bà không biết. Công an có thu giữ chiếc xe này của bà và đã trả lại cho bà xong. Hiện bà không yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra công an thành phố Bến Tre, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Việc vắng mặt của người làm chứng và những người chứng kiến, các bị cáo không có ý kiến gì, Viện kiểm sát đề nghị xét xử vắng mặt những người này. Xét thấy việc vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người này là phù hợp theo quy định tại Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác, biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 17/12/2020, cùng các tài liệu khác thu thập được trong quá trình điều tra, có đủ cơ sở xác định: Vào khoảng 13 giờ 50 phút ngày 17/12/2020, tại khu vực công viên Hoàng Lam đoạn thuộc khu phố 3, phường 5, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, bị cáo T đã có hành vi bán trái phép cho bị cáo N 0,5207gam ma túy, loại Methamphetamine và bị cáo N cất giấu số ma túy này để sử dụng thì bị lực lượng Công an phát hiện.

[3] Bị cáo T là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận biết được các chất ma túy bị pháp luật cấm mua bán nhưng vẫn cố ý thực hiện với mục đích kiếm lời. Bị cáo N là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận biết việc cất giấu ma túy là bị pháp luật cấm nhưng bị cáo vẫn mua và cất giấu ma túy để sử dụng nhằm thỏa mãn cơn nghiện. Vì vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã truy tố bị cáo T về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự và bị cáo N về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến sự quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội nơi các bị cáo cư trú và thực hiện tội phạm. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguyên nhân dẫn đến những tội phạm và tệ nạn xã hội khác, gây tâm lý bất an trong quần chúng nhân dân.

[6] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân, bị cáo T chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo N có nhân thân xấu, đã bị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 18 tháng về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy".

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, các bị cáo T và N được hưởng là người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và đang có nghĩa vụ nuôi con chưa thành niên theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, các bị cáo T và N không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ hậu quả do các bị cáo gây ra, việc cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là điều cần thiết nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo T và N không có thu nhập và nghề nghiệp ổn định nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng:

Tịch thu, tiêu hủy: 01 phong bì được niêm phong số 149/2020 có chữ ký và ghi tên Nguyễn Ngọc Minh, Trần Duy Chuyển và hình dấu tròn màu đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre chứa chất ma túy còn lại sau giám định, do đây là vật Nhà nước cấm lưu hành; sim số 0565780233 do bị cáo N dùng liên hệ mua ma túy; sim số 0789631324 do bị cáo T dùng liên hệ bán ma túy; 02 đoạn băng keo màu đen, do bị cáo T dùng để quấn ma túy bán cho bị cáo N; 01 túi nylon hàn kín ba phía, phía còn lại có rãnh khép màu trắng, bên trong rỗng.

Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Redmi màu xanh, do bị cáo N dùng liên hệ mua ma túy; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đỏ, do bị cáo T dùng liên hệ bán ma túy; số tiền 500.000 đồng trong tổng số tiền 700.000 đồng đã thu của bị cáo T do bán ma túy cho bị cáo N có được vào ngày 17/12/2020, tiếp tục tạm giữ số tiền 200.000 đồng còn lại để đảm bảo thi hành án.

Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bến Tre đã giao trả cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đoàn Thị Tuyết M 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, số loại NOUVO, màu nâu vàng, biển số 71B1-852.36, số khung: RLCN5P1108Y012228, số máy: 5P11-012228.

Giao 01 xe mô tô nhãn hiệu VICTORY, số loại C50, màu xanh, biển số 71FH-7165, số khung: WCB0A5UM-000261, số máy: P39FMB-03009 không rõ nguồn gốc cho Cơ quan điều tra – Công an thành phố Bến tre tiếp tục xác minh làm rõ và xử lý theo thẩm quyền.

[7] Đối với Đoàn Thị Tuyết M khi cho bị cáo N mượn xe mô tô biển số 71B1-852.36 không biết bị cáo dùng làm phương tiện đi mua ma túy nên không truy cứu trách nhiệm hình sự là phù hợp.

Đối với các lần bị cáo T khai có bán ma túy cho đối tượng tên P và H do không rõ họ tên và địa chỉ cụ thể, Cơ quan Cảnh sát điều tra không làm việc được với P và H nên không có căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự cho bị cáo T đối với các lần bán ma túy này.

[8] Lời phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh; điều luật áp dụng; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và mức hình phạt đề nghị áp dụng đối với các bị cáo phù hợp với quy định nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí: Các bị cáo T và N bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Lê Minh T phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy"; bị cáo Trần Thanh N phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

1. Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Lê Minh T 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

2. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Trần Thanh N 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng các Điều 47, 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) phong bì được niêm phong số 149/2020 có chữ ký và ghi tên Nguyễn Ngọc Minh, Trần Duy Chuyển và hình dấu tròn màu đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre; 01 (một) sim số 0565780233 thu của bị cáo Trần Thanh N; 01 (một) sim số 0789631324 thu của bị cáo Lê Minh T; 02 (hai) đoạn băng keo màu đen thu của bị cáo Lê Minh T; 01 (một) túi nylon hàn kín ba phía, phía còn lại có rãnh khép màu trắng, bên rong rỗng.

Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động hiệu Redmi màu xanh đã qua sử dụng, số IMEI 1: 86580504510101/01, số IMEI 2: 865805045010119/01 thu của bị cáo Trần Thanh N; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu đỏ, số IMEI 1: 866907031334898, số IMEI 2:866907031334880 thu của bị cáo Lê Minh T; số tiền 500.000 (năm trăm ngàn) đồng trong tổng số tiền 700.000 (bảy trăm ngàn) đồng đã thu của bị cáo Lê Minh T, tiếp tục tạm giữ số tiền 200.000 (hai trăm ngàn) đồng còn lại để đảm bảo thi hành án.

Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bến Tre đã giao trả cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đoàn Thị Tuyết M 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, số loại NOUVO, màu nâu vàng, biển số 71B1-852.36, số khung: RLCN5P1108Y012228, số máy: 5P11-012228.

Giao 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu VICTORY, số loại C50, màu xanh, biển số 71FH-7165, số khung WCB0A5UM-000261, số máy P39FMB-03009 không rõ nguồn gốc cho Cơ quan điều tra – Công an thành phố Bến tre tiếp tục xác minh làm rõ và xử lý theo thẩm quyền.

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 27/4/2021, hiện Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bến Tre đang quản lý).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Án phí hình sự sơ thẩm mỗi bị cáo Lê Minh T và Trần Thanh N phải nộp là 200.000 (hai trăm ngàn) đồng.

5. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- Cơ quan điều tra CATP Bến Tre (1b);
- Cơ quan THAHS CATP Bến Tre (1b);
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND P.H, TP BT, tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND P.J, Q.C, TP Hồ Chí Minh (1b);
- UBND xã TT, huyện MCB, tỉnh Bến Tre (1b);
- Bị cáo, NCQLNVLQ (3b);
- Bộ phận thi hành án Hình sự (2b);
- Lưu (văn phòng, hồ sơ vụ án) (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Ngô Văn Trình